

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 05 năm 2024

(V/V: Tranh chấp hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thanh – Ông Phan Văn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Quang Sáng - Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 15/05/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 201/2024/TLST-HNGĐ ngày 9 tháng 04 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2024/QĐXX-ST ngày 12/04/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/04/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phan Thị H - sinh ngày 20/07/1994.(Có mặt)

Trú tại: xóm E, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: anh Cao Đăng K - sinh ngày 10/11/1991.

Trú tại: xóm E, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H và anh Cao Đăng K đăng ký kết hôn ngày 14/01/2016 tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Trước khi kết hôn chị H và anh K có quá trình tìm hiểu, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu theo chị H trình bày là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, nên vợ chồng xung đột với nhau qua cách xử sự, có những lời nói không đúng mực với nhau. Mâu thuẫn xảy ra ngày càng sâu sắc trầm trọng, mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm từ tháng 10 năm 2023, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến

nay. Chị H xác định hôn nhân giữa chị H và anh K đã tan rã đổ vỡ không thể hàn gắn, đề nghị tòa án giải quyết ly hôn anh Cao Đăng K.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có với nhau 03 con chung là: Cao Thị Phương U - giới tính: Nữ - sinh ngày 26/06/2017; Cao Thị Bảo K1 - giới tính: Nữ - sinh ngày 22/04/2020; Cao Thị Kim N - giới tính: Nữ - sinh ngày 13/11/2022. Trong thời gian sống ly thân, Cao Thị Phương U, Cao Thị Bảo K1 ở với chị H, còn Cao Thị Kim N ở với anh K. Ly hôn chị H có nguyện vọng giữ nguyên hiện trạng về người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Đó là chị H tiếp tục nuôi Cao Thị Phương U, Cao Thị Bảo K1 còn anh K thì tiếp tục nuôi Cao Thị Kim N. Chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Nhưng tại phiên tòa chị H trình bày trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án thì 03 con chung ở với anh K. Con chung Cao Thị Phương U cũng muốn ở với anh K, mà anh K có nguyện vọng được nuôi cả 03 con chung, nên chị đề nghị giao thêm Cao Thị Phương U cho anh K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do anh K nuôi hơn 01 con chung, nên chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi 01 con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 05/2024 cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi.

- Về quan hệ tài sản: Chị Phan Thị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, Biên bản hòa giải anh Cao Đăng K trình bày:

- Về quan hệ tình cảm: Anh và chị Phan Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An ngày 14/01/2016, sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc từ đó cho đến nay, tuy cuộc sống chung vợ chồng cũng có những lúc cãi vã nhau. Nhưng đó là những mâu thuẫn không đáng kể, chưa đủ lớn và chưa đến mức phải ly hôn anh muốn đoàn tụ và không muốn ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Anh và chị H có 03 con chung là: Cao Thị Phương U - giới tính: Nữ - sinh ngày 26/06/2017; Cao Thị Bảo K1 - giới tính: Nữ - sinh ngày 22/04/2020; Cao Thị Kim N - giới tính: Nữ - sinh ngày 13/11/2022. Trong thời gian sống ly thân con chung Cao Thị Phương U, Cao Thị Bảo K1 ở với chị H, còn Cao Thị Kim N ở với anh K. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh K có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cả 03 con chung cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện qui định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn chị Phan

Thị H có mặt, bị đơn anh Cao Đăng K vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho chị H, anh K. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị H có mặt, bị đơn anh K tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn anh Cao Đăng K.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H, anh Cao Đăng K tự nguyện tiến tới hôn nhân, đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 02/2016, ngày 14/01/2016 nên xác định hôn nhân giữa chị H, anh K là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung vợ chồng không tìm được tiếng nói, lối đi chung hôn nhân, khắc khẩu khi giao tiếp, các bên xử sự không chuẩn mực đối với nhau. Mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm kể từ tháng 10 năm 2021, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị H xác định đã mất hết tình cảm đối với anh K, hôn nhân đã thực sự tan rã, đổ vỡ không thể hàn gắn, chị H đề nghị giải quyết ly hôn anh K để ổn định cuộc sống. Anh K xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân với thời gian khá lâu, nhưng anh đang còn tình cảm với chị H, mong muốn được đoàn tụ, nên chị H yêu cầu ly hôn anh K không đồng ý. Quá trình sống ly thân anh K đã liên lạc hòa giải với chị H để níu kéo hôn nhân nhưng không được chị H chấp nhận. Điều này cho thấy tình cảm chỉ còn ở phía anh K. Xác định hôn nhân giữa chị H, anh K đã thực sự đổ vỡ, sợi dây gắn kết tình cảm giữa các bên không còn. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K là có căn cứ, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh K.

- Về quan hệ con chung: Quá trình sống ly thân chị H trực tiếp nuôi dưỡng Cao Thị Phương U, Cao Thị Bảo K1. Anh K trực tiếp nuôi dưỡng Cao Thị Kim N. Tại phiên tòa chị H đề nghị giao Cao Thị Phương U, Cao Thị Kim N cho anh K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, còn Cao Thị Bảo K1 thì chị đề nghị giao cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Còn anh K thì có nguyện vọng được nuôi cả 03 con chung.

Xét nguyện vọng nuôi con của anh K Hội đồng xét xử nhận thấy nguyện vọng nuôi con vừa là quyền vừa là nghĩa vụ chính đáng tuy nhiên nếu giao cả 03 con chung cho một mình anh K nuôi dưỡng sẽ rất vất vả cho anh K, sẽ không đảm bảo cho việc ăn, học, sinh hoạt và phát triển sau này của 03 con chung, hơn nữa trong thời gian sống ly thân cháu Bảo K1 ở với chị H. Vì vậy cần giao cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Bảo K1. Còn cháu Phương U, cháu Kim N thì giao cho anh K tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi.

-Về Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh K nuôi hơn 01 con chung, chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi 01 con chung cùng anh K mỗi tháng 1.000.000 đồng là thể người mẹ có trách nhiệm cao đối với con chung, nên cần chấp nhận việc tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung của chị H.

[3] Về quan hệ tài sản: Chị Phan Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên

miễn xét.

[4] Về án phí: Buộc chị Phan Thị H phải nộp án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Phan Thị H được ly hôn anh Cao Đăng K.

2. Về quan hệ con chung:

+ Giao con chung Cao Thị Bảo K1 - Giới tính: Nữ - sinh ngày 22/04/2020 cho chị Phan Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến đủ 18 tuổi trưởng thành.

+ Giao con chung Cao Thị Phương U - giới tính: Nữ - sinh ngày 26/06/2017; Cao Thị Kim N - giới tính: Nữ - sinh ngày 13/11/2022 cho anh Cao Đăng K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến đủ 18 tuổi trưởng thành.

Ghi nhận sự tự nguyện việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn của chị Phan Thị H như sau:

Chị Phan Thị H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Cao Đăng K mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 05/2024 cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày anh Cao Đăng K làm đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nói trên, nếu chị Phan Thị H không thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Chị Phan Thị H, anh Cao Đăng K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không được ai cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Phan Thị H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm. Án phí chị H phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai nộp tiền số: 0002736 ngày 09/04/2024, chị H còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS H.Yên Thành
- Các đương sự
- THA DS H.Yên Thành
- TAND tỉnh
- VKSND tỉnh Nghệ An
- UBND xã M(ĐKKH)
- Lưu hs, VP

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Công Hưng